

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện thần thoại	3	0	4	1	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	20	20	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		

Tỉ lệ chung	60%	40%	
--------------------	------------	------------	--

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện thần thoại	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong thần thoại - Nhận biết được không gian, thời gian trong thần thoại - Xác định được nhân vật Thông hiểu: - Tóm tắt được	3 TN	4TN 1TL	1TL	0

			cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Phân tích được nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/hoặc lời của các nhân vật khác.				
--	--	--	--	--	--	--	--

			Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.				
2	Viết	Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				3 TN	4TN 1TL	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10

Tỉ lệ chung		60	40
--------------------	--	-----------	-----------

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TRƯỜNG THPT ...

Môn: NGỮ VĂN 10

(Đề thi gồm có 3 trang)

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau, trả lời các câu hỏi bên dưới:

Nữ thần Lúa là một cô gái xinh đẹp, dáng người ẻo lả và có tính hay hờn dỗi.

Nàng là con gái Ngọc Hoàng. Sau những trận lụt lội ghê gớm xảy ra, sinh linh cây cỏ đều bị diệt hết, trời bèn cho những người còn sống sót sinh con đẻ cái trên mặt đất và sai Nữ thần Lúa xuống trần gian, nuôi sống loài người.

Nữ thần làm phép cho những hạt giống gieo xuống đất nảy mầm, mọc thành cây, kết bông mẩy hạt. Lúa chín tự về nhà không cần gặt và không phải phơi phóng gì cả. Cần ăn, cứ ngắt bông bỏ vào nồi là lúa sẽ thành cơm.

Một hôm, cô con gái nhà kia đang bận việc. Sân chưa quét dọn, cửa kho cũng chưa mở, lúa ở ngoài đã ùn ùn kéo về. Cô gái cuống quýt và đâm cẩu. Sẵn tay đang cầm cái chổi, cô đập vào đầu bông lúa mà mắng:

– Người ta chưa dọn dẹp xong đã bò về. Gì mà hấp tấp thế.

Nữ thần Lúa đang dẫn các bông lúa vào sân, thấy sân, đường bẩn thỉu vương đầy rác rưởi đã bực trong lòng, lại bị phang một cán chổi vào đầu, tức lắm. Cả đám lúa đều thốt lên:

– Muốn mệt thì ta cho mệt luôn. Từ nay mang hái tre, liềm sắc ra cắt, chở ta về.

Từ đó, nữ thần Lúa dỗi, nhất định không cho lúa bò về nữa. Người trần gian phải xuống tận ruộng lấy từng bông. Thấy vất vả mệt nhọc quá, người ta mới chế ra liềm hái để cắt lúa cho nhanh. Và lúa cũng không tự biến thành cơm nữa, mà phải phơi phóng, xay giã cho ra gạo.

Sự hờn dỗi của nữ thần Lúa còn đôi khi cay nghiệt hơn nữa. Nữ thần vẫn giận sự phũ phàng của con người, nên nhiều lần đã cấm không cho các bông lúa nảy nở. Có kết hạt thì cũng chỉ là lúa lép mà thôi. Vì thế sau này mỗi lần gặt xong là người trần gian phải làm lễ cúng hồn Lúa, cũng là cúng thần Lúa. Có nơi không gọi như thế thì gọi là cúng cơm mới. Cúng hồn Lúa, cơm mới, do các gia đình tổ chức trong nhà mình.

Các làng, các bản cũng phải mở những ngày hội chung để cúng thần Lúa. Trong những ngày hội ấy, mở đầu cho các cuộc tế tự và trò vui, thường có một tiết mục hấp dẫn, gọi là “Rước bông lúa”. Các trò Trám (Vĩnh Phú), trò Triêng (Thanh Hóa), trò thổi tù và cây Hồng (Nghệ An, Hà Tĩnh... đều có rước bông lúa như vậy).

Trả lời câu hỏi sau(6đ):

1. Văn bản trên thuộc thể loại văn bản nào?

- A. Thần thoại.
- B. Sử thi.
- C. Thơ Đường luật.
- D. Thơ Nôm Đường luật.

2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản?

- A. Biểu cảm.
- B. Miêu tả
- C. Tự sự
- D. Thuyết minh

3. Xác định các nhân vật được nhắc đến trong văn bản:

- A. Người nông dân và thần Lúa
- B. Trời, Nữ thần Lúa, cô con gái nhà kia, người trần gian.
- C. Trời và Nữ thần Lúa
- D. Chàng trai và cô con gái nhà kia.

4. Đoạn đầu văn bản cho biết nữ thần Lúa là cô gái như thế nào?

- A. Nữ thần Lúa là một cô gái xinh đẹp.
- B. Nữ thần Lúa có dáng người ẻo lả và có tính hay hờn dỗi
- C. Nữ thần lúa là cô gái xinh đẹp, luôn giúp đỡ người nghèo khổ.
- D. Nữ thần Lúa là một cô gái xinh đẹp, dáng người ẻo lả và có tính hay hờn dỗi

5. Theo đoạn trích, Nữ thần Lúa hờn dỗi với con người vì việc gì?

- A. Con người đã không quan tâm tới thần Lúa.
- B. Nữ thần Lúa đang dẫn các bông lúa vào sân, thấy sân, đường bẩn thỉu vương đầy rác rưởi đã bức trong lòng, lại bị phang một cán chổi vào đầu.
- C. Con người đã không ăn cơm nữa.
- D. Con người đã có hành động phá hoại thần Lúa.

6. Ngọc Hoàng đã làm gì để loài người được tồn tại?

- A. Ngọc Hoàng đã sai thần Lửa giúp loài người.
- B. Ngọc Hoàng đã bỏ qua tội lỗi của loài người.
- C. Ngọc Hoàng đã ban phép màu cho loài người.
- D. Ngọc Hoàng đã sai Nữ thần Lúa xuống trần gian, nuôi sống loài người.

7. Nội dung bao quát của văn bản trên?

- A. Kể về các họ hàng thân thích của cây lúa.
- B. Kể về quá trình hình thành và sự ra đời cây lúa.
- C. Kể về việc Ngọc Hoàng đã giúp loài người.
- D. Kể về nguồn gốc cái tên của Nữ thần Lúa.

8. Đặt một nhan đề cho văn bản trên.

9. Nhận xét về sự lý giải về quá trình ra đời của cây lúa?

10. Đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm và ghi lại câu văn mình thích nhất. (Trả lời bằng 4 - 5 câu)?

II. Phần Viết (4 đ): Viết một văn bản ngắn bàn về vai trò của cây lúa hạt gạo trong đời sống của con người Việt Nam hôm nay.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: NGỮ VĂN 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	Nữ thần lúa; Thần lúa; Sự tích cây lúa; Cây lúa; Lúa; Sự ra đời của cây lúa; ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm	0,5

		- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	
	9	Sự lý giải về quá trình ra đời của cây lúa: một mạch logic, hợp lí, thú vị thể hiện những suy nghĩ hồn nhiên có phần giản đơn của con người thuở sơ khai; khao khát mong muốn lí giải về những hiện tượng trong thế giới tự nhiên: kì ảo, hoang đường, tưởng tượng: sức hấp dẫn Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng một ý: 0,75 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	1,0 1,0
	10	Nêu chi tiết: lúa bò về; lúa biết hồn dỗi; Đặc sắc về nghệ thuật kể, yếu tố kì ảo, hoang đường Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng một ý: 0,75 điểm	1,0

		- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> vai trò của cây lúa hạt gạo trong đời sống của con người Việt Nam hôm nay Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	3,0
		Viết một đoạn văn bàn về ý nghĩa của hạt gạo trong đời sống của người Việt Nam. - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn.	1,5

		- Làm nổi bật nội dung: Ý nghĩa của hạt thóc/gạo trong đời sống của người Việt Nam. -. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,75 điểm – 1,0 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.	
		- Đánh giá chung: Hướng dẫn chấm: - Trình bày được 2,3 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý; 0,25 điểm.	0,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
I+II			10

-----HẾT-----

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>